TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:05/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 08/5/2019
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha
Các hội thẩm nhân dân:
- Ông Nguyễn Văn Ngư
- Ông Trương Thoại Lượng

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 218/2018/TLST – HNGĐ ngày 17/12/2018; Về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp CN, xã AN, huyện CT, tỉnh ST (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Thạch H, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp CN, xã AN, huyện CT, tỉnh ST(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 11 năm 2018, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Kim N trình bày:*

Về hôn nhân: Chị N với anh Thạch H cưới nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã An Ninh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 – Quyển số 01/2011 ngày 27/01/2011. Sau khi cưới vợ chồng sống chung được 03 tháng và chị N có bầu thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh H không lo làm, không quan tâm đến chị nên chị và anh Thạch H sống ly thân cho đến nay. Đến ngày 02/5/2012 thì chị sinh con và đặt tên là Thạch Thanh M nhưng phía bên gia đình chồng và anh H không quan tâm, không nhìn mặt cháu nội cho đến nay, giữa chị với anh Thạch H đã cắt đứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay. Nay hôn nhân giữa chị với anh Thạch H không

có hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn với anh Thạch H theo quy định của pháp luật.

-Về con chung: Chị N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con tên Thạch Thanh M, sinh ngày 02/5/2012 sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Thạch H cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Thạch H được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Kim N và cũng như vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

*_Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:_ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành nghiêm theo giấy tiệu tập của Tòa án, còn bị đơn chưa chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như giấy triệu tập của Tòa án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Kim N đối với anh Thạch H, cho chị Trần Thị Kim N được ly hôn với anh Thạch H theo quy định của pháp luật, còn con chung cháu Thạch Thanh M giao cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn anh Thạch H. Xét thấy, anh Thạch H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Thạch H theo quy định.

[2]Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị Kim N với anh Thạch H cưới nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã An Ninh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 – Quyển số 01/2011 ngày 27/01/2011. Sau khi cưới, chị N với anh H sống chung được khoảng 03 tháng và chị N có bầu thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên hai người sống ly thân, chị N về nhà cha mẹ ruột ở và sinh con, đặt tên con là Thạch Thanh M, sinh ngày 02/5/2012. Sau khi chị N sinh con và sinh sống bên gia đình cha mẹ ruột thì anh H cũng không quan tâm, không đến chăm sóc con chung và cắt đứt mọi quan hệ với chị N. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, Chị Trần Thị Kim N với anh Thạch H cưới nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được Ủy ban nhân dân xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 – Quyển số 01/2011 ngày 27/01/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh H là hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ khi có phát sinh tranh chấp.

Tuy nhiên, sau khi cưới vợ chồng sống chung được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến phải ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị N sinh con nhưng anh H vẫn không quan tâm và hai người không hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng. Xét thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa chị N với anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài và tại phiên Tòa hôm nay chị Trần Thị Kim N cương quyết xin ly hôn với anh Thạch H nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Kim N đối với anh Thạch H.

[4] Về con chung: Chị N với anh H có một con chung tên Thạch Thanh M, sinh ngày 02/5/2012 hiện do chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có ghi nhận ý kiến của cháu M thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị N sau khi cha mẹ ly hôn và bị đơn anh Thạch H cũng không có ý kiến phản đối gửi cho Tòa án đối với yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị N. Nên, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao con chung cháu Thạch Thanh M cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn với anh Thạch H là phù hợp với điều kiện thực tế và theo nguyện vọng của cháu M là đúng quy định của pháp luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chị Trần Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

[6] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim N được ly hôn với anh Thạch H.

2/ Về con chung: Giao cháu Thạch Thanh M, sinh ngày 02 tháng 05 năm 2012 cho chị Trần Thị Kim N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Thạch được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Anh Thạch H không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Trần Thị Kim N không yêu cầu cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003798 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, chị Nga đã nộp xong.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn anh Thạch H vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha